

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2025	Số đầu năm 01/1/2025
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		555.838.073.052	449.451.040.505
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	94.854.731.834	80.797.575.111
1.Tiền	111		61.854.731.834	45.797.575.111
2.Các khoản tương đương tiền	112		33.000.000.000	35.000.000.000
II.Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	225.300.000.000	160.500.000.000
1.Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		225.300.000.000	160.500.000.000
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		213.647.186.759	186.418.139.117
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	206.947.941.081	178.600.133.085
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.003.301.368	2.355.896.553
3.Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	11.712.248.649	12.648.157.229
7.Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(8.016.304.339)	(7.186.047.750)
8.Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.Hàng tồn kho	140		8.567.351.652	7.801.558.466
1.Hàng tồn kho	141	V.7	8.567.351.652	7.801.558.466
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		13.468.802.807	13.933.767.811
1.Chí phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	11.780.536.940	11.884.210.755
2.Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.472.716.684	1.998.393.788
3.Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	215.549.183	51.163.268
4.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B-TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		180.929.929.207	204.046.732.544
I.Các khoản phải thu dài hạn	210		17.000.000.000	16.000.000.000
1.Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5.Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	17.000.000.000	16.000.000.000
7.Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.Tài sản cố định	220		135.737.090.114	155.712.062.330
1.Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	124.528.316.256	141.648.955.350
- Nguyên giá	222		785.300.146.924	770.361.250.328
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(660.771.830.668)	(628.712.294.978)
2.Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2025	Số đầu năm 01/1/2025
1	2	3	4	5
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	11.208.773.858	14.063.106.980
- Nguyên giá	228		37.345.222.335	32.697.642.875
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(26.136.448.477)	(18.634.535.895)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		264.864.594	51.412.844
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		264.864.594	51.412.844
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		6.000.666.546	6.249.834.882
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2b	6.000.666.546	6.249.834.882
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác			21.927.307.953	26.033.422.488
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	20.738.475.327	25.058.267.352
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.11	1.188.832.626	975.155.136
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		736.768.002.259	653.497.773.049
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2025	Số đầu năm 01/1/2025
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		329.613.893.553	281.335.344.376
I. Nợ ngắn hạn	310		317.259.880.572	266.703.531.395
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	149.357.740.502	97.299.619.998
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		26.898.000	45.282.683
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	19.801.091.646	17.041.632.796
4. Phải trả người lao động	314		78.761.244.537	67.593.754.193
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	9.924.230.379	9.993.622.553
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	16.543.704.811	13.469.846.077
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	2.132.800.000	9.766.555.768
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	40.712.170.697	51.493.217.327
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		12.354.012.981	14.631.812.981
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	8.621.612.981	8.766.612.981
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	3.732.400.000	5.865.200.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2025	Số đầu năm 01/1/2025
1	2	3	4	5
13.Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		407.154.108.706	372.162.428.673
I.Vốn chủ sở hữu	410	V.18	407.154.108.706	372.162.428.673
1.Vốn góp của chủ sở hữu	411		199.910.200.000	199.910.200.000
2.Thặng dư vốn cổ phần	412			
3.Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4.Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5.Cổ phiếu quỹ	415			
6.Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7.Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8.Quỹ đầu tư phát triển	418		123.258.181.790	91.492.025.332
9.Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		51.651.525.543	49.118.115.347
a.LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.111.579.032	49.118.115.347
b.LNST chưa phân phối kỳ này	421b		46.539.946.511	
12.Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13.Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		32.334.201.373	31.642.087.994
II.Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1.Nguồn kinh phí	432			
2.Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	440		736.768.002.259	653.497.773.049

Người lập biểu

ngtra

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

[Signature]

Nguyễn Thị Hồng Liên

Ngày 29 tháng 01 năm 2026
Giám đốc



Đỗ Thanh Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG
Mã Số Thuế : 0309532497
Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, P. Cát Lái, Tp. HCM

Mẫu số B 03 - DN
(Ban hành theo TT202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	154.485.647.602	134.518.968.498
2.	Điều chỉnh cho các khoản:			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	37.316.223.323	35.265.901.736
-	Các khoản dự phòng	03	830.256.589	213.601.247
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	47.655.564	25.826.327
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.773.723.069)	(7.865.135.221)
-	Chi phí lãi vay	06	779.309.602	1.421.775.223
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	183.685.369.611	163.580.937.810
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(20.369.807.675)	(88.038.416.862)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(765.793.186)	(32.371.495)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	62.995.081.348	44.973.437.199
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	4.423.465.840	(2.179.762.587)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		
-	Tiền lãi vay đã trả	14	(798.665.732)	(1.437.231.188)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(34.587.594.685)	(30.248.152.249)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	32.000.000	9.000.000
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(44.286.227.429)	(50.255.890.169)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	150.327.828.092	36.371.550.459
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(21.136.373.228)	(20.350.011.078)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	522.744.593	(774.318)
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(331.300.000.000)	(302.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	266.500.000.000	276.500.000.000
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(3.600.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.030.248.391	8.050.178.083
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(76.383.380.244)	(41.400.607.313)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp	31		
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu,	32		
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	0
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(9.766.555.768)	(15.879.325.300)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	0
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(50.070.292.200)	(49.640.851.130)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(59.836.847.968)	(65.520.176.430)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	14.107.599.880	(70.549.233.284)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	80.797.575.111	151.338.088.714
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(50.443.157)	8.719.681
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	94.854.731.834	80.797.575.111

Ngày 29 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Cẩm Trang

Nguyễn Thị Hồng Liên

Đỗ Thanh Trường

CTY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Mã số thuế : 0309532497

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, P. Cát Lái, Tp. HCM

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo TT202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3				
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	326.746.922.479	279.539.383.753	1.209.594.515.860	1.059.622.547.008
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		326.746.922.479	279.539.383.753	1.209.594.515.860	1.059.622.547.008
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	250.448.312.165	205.815.365.489	934.636.090.938	806.291.822.691
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		76.298.610.314	73.724.018.264	274.958.424.922	253.330.724.317
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.193.257.340	3.303.811.591	10.090.866.918	8.329.697.502
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	239.341.671	326.375.044	944.705.936	1.584.027.093
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		170.924.939	278.652.325	779.309.602	1.421.775.223
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		578.295.191	6.281.606	(249.168.336)	54.932.551
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	13.447.547.428	12.947.903.409	40.844.594.560	41.023.223.828
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	31.954.596.707	35.288.786.356	86.944.592.713	83.765.272.033
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: {30=20+(21-22)-(25+26)+24}	30		35.428.677.039	28.471.046.652	156.066.230.295	135.342.831.416
12. Thu nhập khác	31	VI.7	714.817.144	74.007.667	1.041.473.978	360.810.366
13. Chi phí khác	32	VI.8	2.217.198.067	355.019.566	2.622.056.671	1.184.673.284
14. Lợi nhuận khác : (40 = 31 - 32)	40		(1.502.380.923)	(281.011.899)	(1.580.582.693)	(823.862.918)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : (50 = 30 +40)	50		33.926.296.116	28.190.034.753	154.485.647.602	134.518.968.498
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.719.216.437	928.446.050	36.065.118.261	32.185.617.399

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3				
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	9.523.045.871	8.819.284.723	(213.677.490)	(243.074.622)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp :	60		21.684.033.808	18.442.303.980	118.634.206.831	102.576.425.721
60 = 50 - 51-52)					-	-
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty Mẹ	61		20.032.395.698	16.852.878.092	111.788.852.712	96.547.208.034
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.651.638.110	1.589.425.888	6.845.354.119	6.029.217.687
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	920	776	3.609	3.045
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.10	920	776	3.609	3.045

Người lập biểu



Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Liên

Ngày 29 tháng 01 năm 2026
Giám đốc



Đỗ Thanh Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc nhóm Công ty

Trong năm, nhóm Công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,50%	57,50%	57,50%	57,50%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%

5c. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	9B Tú Xương, phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng	Số 1295B, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	36,00%	36,00%	36,00%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, nhóm Công ty có 695 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 672 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và các công ty con khác thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa công ty mẹ và công ty con các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của nhóm Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thống nhất trong nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và các công ty con và người mua là đơn vị độc lập với Công ty và các công ty con.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hàng tồn kho của nhóm Công ty chủ yếu là các vật tư, phụ tùng được dự trữ để phục vụ thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, được bảo quản ở tình trạng tốt và không cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của nhóm Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm bao gồm chi phí bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm cháy nổ và bảo hiểm phương tiện được phân bổ vào chi phí theo thời gian trên giấy chứng nhận bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của nhóm Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Nhóm Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà nhóm Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà nhóm Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu nhóm Công ty được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí nhóm Công ty phải gánh chịu.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty.

Nhóm Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ bốc xếp, thực hiện trên địa bàn khu vực Cảng Cát Lái, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	938.661.469	1.219.447.162
Tiền gửi ngân hàng	60.916.070.365	44.578.127.949
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	33.000.000.000	35.000.000.000
Cộng	94.854.731.834	80.797.575.111

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 6 tháng, lãi suất từ 4,0% - 6,8%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	3.600.000.000	546.743.357	4.146.743.357	3.600.000.000	22.687.705	3.622.687.705
Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng	3.600.000.000	(1.746.076.811)	1.853.923.189	3.600.000.000	(972.852.823)	2.627.147.177
Cộng	7.200.000.000	(1.199.333.454)	6.000.666.546	7.200.000.000	(950.165.118)	6.249.834.882

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	360.000	36,00%	360.000	40%
Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng	360.000	36,00%	-	-

Giá trị phần sở hữu của Nhóm Công ty tại các công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.249.834.882	2.594.902.331
Góp vốn trong năm		3.600.000.000
Phần lãi hoặc lỗ trong năm	(249.168.336)	54.932.551
Số cuối năm	6.000.666.546	6.249.834.882

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	145.589.108.019	116.215.604.233
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	132.299.047.315	112.872.565.152
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	39.738.051	516.390.332

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		168.412.000
Công ty Cổ phần Đại lý GNVN Xếp dỡ Tân Cảng	155.567.930	78.616.926
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	232.128.000	1.485.668.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	22.298.110	112.327.560
Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh	334.991.657	220.431.366
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	132.290.466	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thanh Phước		29.376.000
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước		351.000
Công ty Cổ phần Trục vót và Nạo vét Tân Cảng	5.773.226.400	731.465.897
Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng	2.039.953.250	
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng Cái Mép	4.290.840.000	
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Sóng Thần	7.855.200	
Công ty Cổ phần xây dựng Công trình Tân cảng	80.144.640	
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	181.027.000	
Phải thu các khách hàng khác	61.358.833.062	62.384.528.852
Cộng	206.947.941.081	178.600.133.085

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho bên liên quan	1.180.249.976	796.857.600
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	1.180.249.976	796.857.600
Trả trước cho người bán khác	1.823.051.392	1.559.038.953
Các nhà cung cấp khác	1.823.051.392	1.559.038.953
Cộng	3.003.301.368	2.355.896.553

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	465.826.594		3.045.625.588	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – Các khoản chi hộ	465.826.594		2.310.047.841	-
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng - Các khoản chi hộ			716.967.443	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân cảng Thanh Phước - Các khoản chi hộ			18.610.304	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	11.236.422.055 (416.289.446)		9.602.531.641 (376.164.446)	
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2.332.743.013		1.860.756.439	-
Ký cược, ký quỹ	525.000.000		345.000.000	-
Tạm ứng	4.112.348.481		3.678.148.837	-
Các khoản chi hộ	3.851.189.350 (416.289.446)		2.990.752.399 (376.164.446)	
Các khoản phải thu khác	425.141.211		727.873.966	-
Cộng	11.712.248.649 (416.289.446)		12.648.157.229 (376.164.446)	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Hiệp Lực – Đặt cọc tiền thuê đất	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hai Hai Mười Hai - Đặt cọc tiền thuê đất	2.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Cộng	17.000.000.000	-	16.000.000.000	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là các khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi của khách hàng.

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Innopack Việt Nam	Trên 3 năm	2.972.614.417	(2.972.614.417)	Trên 3 năm	2.972.614.417	(2.972.614.417)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sơn Trung Phát	Trên 3 năm	1.214.976.609	(1.214.976.609)	Trên 3 năm	1.214.976.609	(1.214.976.609)
Công ty TNHH TM DV Vận tải Gia Việt	Từ 1 – 2 năm	1.939.116.352	(581.734.906)			
Các khách hàng khác		3.478.828.207	(3.246.978.407)		3.101.825.498	(2.998.456.724)
Cộng		9.605.535.585	(8.016.304.339)		7.289.416.524	(7.186.047.750)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.186.047.750	6.972.446.503
Trích lập dự phòng bổ sung	914.256.589	632.946.447
Hoàn nhập dự phòng	(84.000.000)	(419.345.200)
Số cuối kỳ	8.016.304.339	7.186.047.750

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	8.432.460.952	6.874.878.216
Công cụ, dụng cụ	134.890.700	540.882.144
Hàng hóa		385.798.106
Cộng	8.567.351.652	7.801.558.466

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.305.622.449	1.168.306.509
Chi phí sửa chữa	3.851.240.982	4.903.890.192
Chi phí bảo hiểm	5.370.931.488	5.313.904.334
Các chi phí khác	252.742.021	498.109.720
Cộng	11.780.536.940	11.884.210.755

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.322.965.922	3.101.104.462
Chi phí sửa chữa	17.162.995.990	20.200.352.227
Các chi phí khác	1.252.513.415	1.756.810.663
Cộng	<u>20.738.475.327</u>	<u>25.058.267.352</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	172.272.796.361	287.645.064.301	241.429.943.849	7.709.266.577	61.304.179.240	770.361.250.328
Mua trong năm		6.018.581.481	1.034.800.000	1.006.936.000	10.106.221.600	18.166.539.081
Thanh lý nhượng bán		(2.351.363.300)	(876.279.185)	-	-	(3.227.642.485)
Số cuối năm	172.272.796.361	291.312.282.482	241.588.464.664	8.716.202.577	71.410.400.840	785.300.146.924
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	49.742.425.084	159.732.243.052	195.229.172.760	2.241.767.052	52.493.303.411	459.438.911.359
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	107.691.201.141	256.565.904.153	206.032.943.424	3.513.709.608	54.908.536.652	628.712.294.978
Khấu hao trong năm	8.369.104.269	14.914.708.683	8.035.829.794	1.445.262.167	2.522.273.262	35.287.178.175
Thanh lý nhượng bán		(2.351.363.300)	(876.279.185)	-	-	(3.227.642.485)
Số cuối năm	116.060.305.410	269.129.249.536	213.192.494.033	4.958.971.775	57.430.809.914	660.771.830.668
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	64.581.595.220	31.079.160.148	35.397.000.425	4.195.556.969	6.395.642.588	141.648.955.350
Số cuối năm	56.212.490.951	22.183.032.946	28.395.970.631	3.757.230.802	13.979.590.926	124.528.316.256
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng, chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 11.070.694.400VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	32.697.642.875	(18.634.535.895)	14.063.106.980
Mua trong năm	4.647.579.460		4.647.579.460
Khấu hao trong năm		(7.501.912.582)	(7.501.912.582)
Số cuối năm	37.345.222.335	(26.136.448.477)	11.208.773.858

Một số tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 9.997.110.930 VND.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

11a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm này	Năm trước
Số đầu năm	975.155.136	732.080.514
Phát sinh trong năm	1.188.832.626	975.155.136
Hoàn nhập trong năm	(975.155.136)	(732.080.514)
Số cuối năm	1.188.832.626	975.155.136

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

11b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, do phát sinh nhỏ.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	87.590.305.768	29.317.061.059
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	60.558.535.515	2.439.902.740
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	3.970.662.329	9.800.464.964
Công ty Cổ phần Giải pháp CNTT Tân Cảng	12.807.216.495	8.543.651.200
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng – STC	468.900.000	1.052.831.748
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	5.599.800	5.956.200
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	841.568.724	675.015.012
Công ty Cổ phần Đại lý GNVN Xếp dỡ Tân Cảng	593.363.977	1.762.581.060
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	6.413.513.090	3.745.927.376
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước		20.172.240
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	351.893.160	382.151.520
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	231.674.378	504.235.879
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping		7.668.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu		374.727.600

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	1.819.800	1.775.520
Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng	14.396.400	
Công ty Cổ phần Mười lăm Tháng ba	1.331.162.100	
Phải trả các nhà cung cấp khác	61.767.434.734	67.982.558.939
Công ty Cổ phần Hai Hai Mười Hai	23.232.758.762	21.171.448.122
Các nhà cung cấp khác	38.534.675.972	46.811.110.817
Cộng	149.357.740.502	97.299.619.998

Nhóm Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	860.322.149	-	40.226.006.903	(39.433.482.733)	1.652.846.319	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.520.270.731	-	36.065.118.261	(34.587.594.685)	14.997.794.307	
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ cho bên tham gia BCC	-	-	660.911.511	(660.911.511)		
Thuế thu nhập cá nhân	2.661.039.916	38.505.627	16.681.495.403	(16.181.396.873)	3.150.451.020	49.193.053
Thuế nhà thầu	-	-	374.560.646	(528.259.135)		153.698.489
Lệ phí môn bài	-	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	12.657.641	71.044.293	(71.044.293)	-	12.657.641
Cộng	17.041.632.796	51.163.268	94.087.137.017	(91.470.689.230)	19.801.091.646	215.549.183

Thuế giá trị gia tăng

Nhóm Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ lưu kho bãi, cho thuê phương tiện và các dịch vụ đi kèm 8 %
- Cho thuê văn phòng và quyền sử dụng đất 10 %

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nhóm Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Nhóm Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty và các công ty con kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.403.105.931</i>	<i>2.047.162.500</i>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền ăn ca, nâng hạ	481.121.200	1.829.144.000
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng - Chi phí vận chuyển, nâng hạ	30.446.926	79.769.000
Công ty CP Vận tải Thủy Tân Cảng - Chi phí nâng hạ	1.233.000	408.000
Công ty CP Tân Cảng - Phú Hữu - Chi phí nâng hạ	15.238.000	17.529.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express - Chi phí xếp dỡ	561.289.347	89.038.000
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng - Chi phí nâng hạ, trung chuyển		31.274.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng - Chi phí vệ sinh sửa chữa cont	79.512.458	-
Công ty Cổ phần Mười lăm tháng ba- Chi phí xếp dỡ	234.265.000	
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>8.521.124.448</i>	<i>7.946.460.053</i>
Chi phí lãi vay phải trả	8.966.525	28.322.655
Chi phí bốc xếp, nâng hạ, vận chuyển	4.302.130.914	2.728.432.143
Chi phí hoa hồng	488.813.081	865.329.783
Chi phí sửa chữa	-	1.191.173.410
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	3.721.213.928	3.133.202.062
Cộng	<u>9.924.230.379</u>	<u>9.993.622.553</u>

15. Phải trả khác**15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>682.681.620</i>	<i>1.420.066.631</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Lãi hợp tác kinh doanh	682.681.620	1.395.800.631
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Vũng Tàu - Các khoản thu chi hộ		24.266.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>15.861.023.191</i>	<i>12.049.779.446</i>
Kinh phí công đoàn	1.761.303.607	1.371.681.218
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.260.290.301	1.945.105.440
Nhận ký quỹ, ký cược	1.971.001.633	1.674.152.383
Cổ tức phải trả	2.677.172.520	2.578.118.720
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	7.191.255.130	4.480.721.685
Cộng	<u>16.543.704.811</u>	<u>13.469.846.077</u>

15b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>8.621.612.981</i>	<i>8.621.612.981</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Phải trả về vốn góp hợp tác kinh doanh ^(*)	8.621.612.981	8.621.612.981
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		<i>145.000.000</i>
Nhận ký quỹ, ký cược		145.000.000
Cộng	<u>8.621.612.981</u>	<u>8.766.612.981</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Khoản hợp tác đầu tư giữa Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái (Công ty con) với Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng Tân Cảng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh mua cầu khung để cho thuê ngày 09 tháng 6 năm 2015, thời hạn hợp tác kinh doanh là 11 năm. Tỷ lệ vốn góp của Công ty con là 40%, lợi nhuận sau thuế sẽ được chia cho các bên theo tỷ lệ vốn góp của mỗi bên.

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Nhóm Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay

Là các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú của Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái (Công ty con) vay theo các hợp đồng vay trong năm 2015, 2023 để mua sắm các tài sản cố định. Thời hạn vay từ 60 tháng đến 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất các khoản vay trong năm từ 6,55% - 9,3%/năm. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ vốn vay.

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.132.800.000	9.766.555.768
Trên 1 năm đến 5 năm	3.732.400.000	5.865.200.000
Cộng	5.865.200.000	15.631.755.768

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Vay dài hạn đến hạn trả	Vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	9.766.555.768	5.865.200.000	15.631.755.768
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	2.132.800.000	(2.132.800.000)	-
Số tiền vay đã trả	(9.766.555.768)	-	(9.766.555.768)
Số cuối kỳ	2.132.800.000	3.732.400.000	5.865.200.000

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng người quản lý	Cộng
Số đầu năm	20.725.627.467	29.530.089.860	1.237.500.000	51.493.217.327
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	34.585.413.876	5.413.073.831	1.800.000.000	41.798.487.707
Tăng khác	32.000.000			32.000.000
Chi quỹ trong kỳ	(34.984.231.399)	(8.064.496.030)	(1.237.500.000)	(44.286.227.429)
Hoàn lại quỹ đã trích năm trước (xem thuyết minh V.18d)		(8.325.306.908)		(8.325.306.908)
Số cuối kỳ	20.358.809.944	18.553.360.753	1.800.000.000	40.712.170.697

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Năm trước	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm	199.910.200.000	81.594.573.298	50.804.789.417	32.699.635.292	365.009.198.007
Lợi nhuận trong năm	-	-	96.547.208.034	6.029.217.687	102.576.425.721
Chia cổ tức	-	-	(43.980.244.000)	(5.550.000.000)	(49.530.244.000)
Công ty mẹ tạm trích các quỹ từ lợi nhuận trong năm	-	9.619.724.229	(52.216.998.293)	-	(42.597.274.064)
Công ty con trích các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	(460.000.000)	104.345.912	(319.902.518)	(675.556.606)
Công ty con tạm trích các quỹ từ lợi nhuận trong năm	-	737.727.805	(2.140.985.722)	(1.216.862.466)	(2.620.120.383)
Số dư cuối năm	199.910.200.000	91.492.025.332	49.118.115.347	31.642.087.994	372.162.428.673
Năm nay					
Số dư đầu năm	199.910.200.000	91.492.025.332	49.118.115.347	31.642.087.994	372.162.428.673
Lợi nhuận trong năm	-	-	111.788.852.712	6.845.354.119	118.634.206.831,00
Chia cổ tức	-	-	(45.979.346.000)	(4.190.000.000)	(50.169.346.000)
Công ty mẹ trích bổ sung/(hoàn nhập) các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	6.326.204.908	1.999.102.000	-	8.325.306.908
Công ty mẹ tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận trong năm	-	24.606.231.803	(62.158.253.591)	-	(37.552.021.788)
Công ty con trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	(26.292.315)	(19.433.451)	(45.725.766)
Công ty con tạm trích các quỹ từ lợi nhuận trong năm	-	833.719.747	(3.090.652.610)	(1.943.807.289)	(4.200.740.152,00)
Số dư cuối năm	199.910.200.000	123.258.181.790	51.651.525.543	32.334.201.373	407.154.108.706

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	117.970.500.000	117.970.500.000
Các cổ đông khác	81.939.700.000	81.939.700.000
Cộng	199.910.200.000	199.910.200.000

18c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	19.991.020	19.991.020

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Tại Công ty mẹ

Trong kỳ, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 như sau:

	VND
Phân phối lợi nhuận năm trước	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 45.979.346.000
• Trích bổ sung quỹ đầu tư phát triển	: 6.326.204.908
• Hoàn lại quỹ phúc lợi đã tạm trích cao hơn số được duyệt	: (8.325.306.908)
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm nay	
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 24.606.231.803
• Trích quỹ khen thưởng	: 32.806.819.609
• Trích quỹ phúc lợi	: 3.645.202.179
• Trích quỹ thưởng người quản lý	: 1.100.000.000

Tại Công ty con

Trong năm, Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái đã phân phối lợi nhuận năm 2024 và tạm phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐTN/2025 ngày 15 tháng 5 năm 2025 như sau:

	VND
Phân phối lợi nhuận năm trước	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 6.400.000.000
• Trích bổ sung quỹ phúc lợi	: 45.725.766
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 913.994.091
• Trích quỹ khen thưởng	: 731.195.273
• Trích quỹ phúc lợi	: 731.195.273

Trong năm, Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực đã phân phối lợi nhuận năm 2024 và tạm phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 35/NQ-ĐHĐCĐ-TCHL-2025 ngày 15 tháng 05 năm 2025 như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

		VND
<i>Phân phối lợi nhuận các năm trước</i>		
• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	3.000.000.000
<i>Tạm phân phối lợi nhuận năm nay</i>		
• Trích quỹ khen thưởng	:	1.047.398.994
• Trích quỹ phúc lợi	:	990.950.613
• Trích quỹ thưởng người quản lý	:	400.000.000
19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất		
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 560.339,54 USD (số đầu năm là 58.907,78 USD).		
VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.209.594.515.860	1.059.622.547.008
2. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ	934.636.090.938	806.291.822.691
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	9.502.234.965	7.810.976.988
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	535.250.822	510.578.062
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	53.381.131	8.142.452
Cộng	10.090.866.918	8.329.697.502
4. Chi phí tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	779.309.602	1.421.775.223
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	117.740.770	128.283.091
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	47.655.564	33.968.779
Cộng	944.705.936	1.584.027.093
5. Chi phí bán hàng		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.849.248.728	28.053.992.609
Các chi phí khác	12.995.345.832	12.969.231.219
Cộng	40.844.594.560	41.023.223.828
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	17.522.675.014	20.937.140.519
Chi phí vật liệu quản lý	1.297.861.164	1.923.028.711

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.739.707.384	3.303.315.652
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.388.519.309	1.056.397.500
Thuế, phí và lệ phí	178.885.297	199.371.146
Hoàn nhập nợ phải thu khó đòi	843.954.889	213.601.247
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.532.267.010	6.927.986.879
Các chi phí khác	53.440.722.646	49.204.430.379
Cộng	86.944.592.713	83.765.272.033
7. Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền bồi thường nhiên liệu	406.464.651	317.383.870
Thu bồi thường thiệt hại	20.000.000	41.486.730
Các khoản thu nhập khác	59.857.327	1.939.766
Tiền bán thanh lý tài sản	555.152.000	
Cộng	1.041.473.978	360.810.366
8. Chi phí khác		
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	110.810.719	660.131.329
Chi phí phải trả thưởng nhiên liệu	377.842.668	324.365.543
Phạt trả nợ trước hạn ngân hàng		15.107.143
Lỗ thanh lý vật tư/ tài sản cố định	32.407.407	774.318
Chi phí bồi thường tổn thất	2.000.000.000	
Các khoản chi phí khác	100.995.877	184.294.951
Cộng	2.622.056.671	1.184.673.284
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	975.155.136	732.080.514
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.188.832.626)	(975.155.136)
Cộng	(213.677.490)	(243.074.622)
10. Lãi trên cổ phiếu		
10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	111.788.852.712	96.547.208.034
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(39.636.454.652)	(35.675.225.074)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ người quản lý</i>	<i>(39.636.454.652)</i>	<i>(35.675.225.074)</i>
+ Tại Công ty mẹ	(37.552.021.788)	(34.271.967.156)
+ Tại các Công ty con	(2.084.432.864)	(1.403.257.918)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	72.152.398.061	60.871.982.960
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	19.991.020	19.991.020
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3.609	3.045

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do thay đổi số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Việc tính toán lại làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước tăng từ 2.629 VND lên 3.045 VND

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	81.987.759.543	94.603.752.933
Chi phí nhân công	276.142.598.980	245.262.687.538
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.246.512.355	35.265.901.736
Chi phí dịch vụ mua ngoài	563.025.801.511	443.926.226.569
Chi phí khác	104.022.605.823	111.526.083.715
Cộng	1.062.425.278.211	930.584.652.491

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thưởng người quản lý	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay						
Hội đồng quản trị						
Ông Ngô Văn Ngự	Chủ tịch	729.059.771	518.940.229	114.380.725	48.000.000	1.410.380.725
Ông Trịnh Văn Mội	Thành viên			70.312.500	60.000.000	130.312.500
Ông Đoàn Phi	Thành viên	579.672.614	559.214.409	75.000.000	60.000.000	1.273.887.023

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thưởng người quản lý	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Đỗ Thanh Trường	Thành viên/ Giám đốc	772.683.871	691.221.705	60.937.500	60.000.000	1.584.843.076
Ông Trần Quang Thảo	Thành viên		20.101.587	73.106.725	60.000.000	153.208.312
Ban kiểm soát						
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng ban			56.250.000	60.000.000	116.250.000
Bà Đỗ Phương Thảo	Thành viên				21.000.000	21.000.000
Bà Đặng Thùy Trang	Thành viên				21.000.000	21.000.000
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên (Đến 29/5/2025)			28.125.000	15.000.000	43.125.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Thành viên (Đến 29/5/2025)			28.125.000	15.000.000	43.125.000
Ban Điều hành						
Ông Bùi Văn Bằng	Phó Giám đốc	576.811.349	558.181.190	60.937.500		1.195.930.039
Ông Nguyễn Văn Hảo	Phó Giám đốc	476.729.944	465.369.454			942.099.398
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Kế toán trưởng	372.200.531	372.651.823	68.298.193	43.500.000	856.650.547
Cộng		3.507.158.080	3.185.680.397	635.473.143	463.500.000	7.791.811.620
Năm trước						
Hội đồng quản trị						
Ông Ngô Văn Ngự	Chủ tịch	674.966.133	397.712.496	80.694.444	56.000.000	1.209.373.073
Ông Đỗ Thanh Trường	Thành viên/Giám đốc (Từ 25/4/2024)	491.037.626	267.919.033		40.000.000	798.956.659
Ông Trần Quang Thảo	Thành viên/Giám đốc (Đến 25/4/2024)	211.651.568	178.434.397	202.817.332	138.333.333	691.236.630
Ông Đoàn Phi	Thành viên	539.325.922	323.517.788	61.481.481	60.000.000	984.325.191
Ông Trịnh Văn Mọi	Thành viên			57.638.889	60.000.000	117.638.889
Ông Đỗ Xuân Minh	Thành viên			57.638.889	35.000.000	92.638.889
Ban kiểm soát						
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng ban			46.111.111	60.000.000	106.111.111
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên (Từ 25/4/2024)				20.000.000	20.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Thành viên (Từ 25/4/2024)				20.000.000	20.000.000
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên (Đến 25/4/2024)			23.055.556	10.000.000	33.055.556
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên (Đến 25/4/2024)			23.055.556	10.000.000	33.055.556
Ban Điều hành						
Ông Bùi Văn Bằng	Phó Giám đốc	535.552.002	320.914.316	49.953.704		906.420.022
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Kế toán trưởng	356.447.914	218.978.926	65.598.564	66.000.000	707.025.404
Cộng		2.932.217.239	1.867.782.761	668.045.526	575.333.333	6.043.378.859

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với nhóm Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn

Mối quan hệ

Công ty mẹ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
